

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
THANH THANH CONG – BIEN HOA
JOINT STOCK COMPANY
Số/No.: 107.../2026/CV/TTCBH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness
Tây Ninh, ngày 29 tháng 01 năm 2026
Tay Ninh, ...Jan...29..... 2026

BÁO CÁO

Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp
PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S PRINCIPAL AND INTEREST
PAYMENTS

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/Report on bond principal and interest payments

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025)/Reporting period from 01/01/2025 to 31/12/2025)

Đơn vị tính: Triệu VND/Unit: Million VND

TT No	Mã trái phiếu	Kỳ hạn Period	Ngày phát hành Issue date	Ngày đáo hạn Maturity	Số dư đầu kỳ Opening balance		Thanh toán trong kỳ Payment during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
					Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest (*)
1	SBT425026	1 năm/1 year	12/09/2025	12/09/2026	0	0	0	11.023	499.297	606

Ghi chú/ Note:

(*) Tại kỳ thanh toán lãi ngày 12/12/2025, do một số Nhà Đầu Tư chưa lưu ký trái phiếu vì vậy Tổ Chức Phát Hành chưa chi trả được cho các trường hợp này./ On the interest payment date of **December 12, 2025**, due to the fact that some Investors had not yet deposited (custodied) their bonds, the Issuing Organization was unable to make interest payments to these cases.

II. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/Report on bond ownership according to the type of investors

(Kỳ báo cáo từ ngày 12/09/2025 đến ngày 04/12/2025) Reporting period from 12/09/2025 to 04/12/2025)

Đơn vị tính: Triệu VND/Unit: Million VND

Loại Nhà đầu tư Type of investors	Dư nợ đầu kỳ Opening balance		Thay đổi trong kỳ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage
I. Nhà đầu tư trong nước/Domestic investors	0	0	478.872	95,91%	478.872	95,91%
1. Nhà đầu tư có tổ chức/Institutional investors	0	0	315.310	63,15%	315.310	63,15%
a) Tổ chức tín dụng*/Credit institutions	0	0	0	0	0	0

b) Quỹ đầu tư /Investment funds	0	0	0	0	0	0
c) Công ty chứng khoán /Securities companies	0	0	209.250	41,91%	209.250	41,91%
d) Công ty Bảo hiểm /Insurance companies	0	0	0	0	0	0
đ) Các tổ chức khác/Other organisations	0	0	106.060	21,24%	106.060	21,24%
2. Nhà đầu tư cá nhân /Individual investors	0	0	163.562	32,76%	163.562	32,76%
II. Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investors	0	0	20.425	4,09%	20.425	4,09%
1. Nhà đầu tư có tổ chức /Institutional investors	0	0	17.796	3,56%	17.796	3,56%
a) Tổ chức tín dụng/ Credit institutions	0	0	0	0	0	0
b) Quỹ đầu tư/Investment funds	0	0	0	0	0	0
c) Công ty chứng khoán/ Securities companies	0	0	17.796	3,56%	17.796	3,56%
d) Công ty Bảo hiểm /Insurance companies	0	0	0	0	0	0
đ) Các tổ chức khác/Other organisations	0	0	0	0	0	0
2. Nhà đầu tư cá Nhân /Individual investors	0	0	2.630	0,53%	2.630	0,53%
Tổng/ Total	0	0	499.297	100%	499.297	100%

* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.

Nơi nhận:

Recipients:

- Như trên/ As above;

- Lưu: DN/ Company.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Sign, full name and seal)



Phải Văn Chuyên
TỔNG GIÁM ĐỐC